

Số: 449/2025/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 05 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2025/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết M; sinh năm: 1974;

Căn cước công dân số 079174001808; Cấp ngày 21/12/2021;

Địa chỉ thường trú: 41/9/1 đường D, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Từ Đại P, sinh năm: 1969;

Căn cước công dân số 079069014496; Cấp ngày 22/11/2021;

Địa chỉ thường trú: 140/20/2 B, TDP C, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại thành phố T nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25/02/2025 và Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

- Về hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2014, Quyển 01/2014, do Ủy ban nhân dân Phường H, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/3/2014 thì quan hệ hôn nhân của bà M, ông P là tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, bà M, ông P không còn yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét quan hệ hôn nhân của bà M, ông P không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Bà M, ông P xác định trong quá trình chung sống bà M, ông P có 02 con chung tên Từ Thị Tuyết T, sinh ngày 14/9/1996 và Từ Đại L, sinh ngày 19/11/2000, con chung đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động và năng lực hành vi dân sự do đó bà M, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà M, ông P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Tòa án không xem xét.

- Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà M, ông Phú C toàn bộ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Từ Đại P thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Từ Đại P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2014, Quyển 01/2024 do Ủy ban nhân dân Phường H, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/3/2014 chấm dứt kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Từ Thị Tuyết T, sinh ngày 14/9/1996, Từ Đại L, sinh ngày 19/11/2000. Đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động và năng lực hành vi dân sự do đó Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà M, ông P xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Từ Đại P chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà M, ông P đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0079277 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập ngày 14/01/2025. Bà M, ông P đã nộp đủ lệ phí việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Thủ Đức;
- VKSND TP. HCM;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân Phường 8, Quận 4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án ./.

Thẩm Phán

Dương Thị Thu Phượng